



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SỐ: .../2018/TTE-TGD

V/v giải trình chênh lệch Kết quả kinh
doanh Quý II.2018 so với cùng kỳ

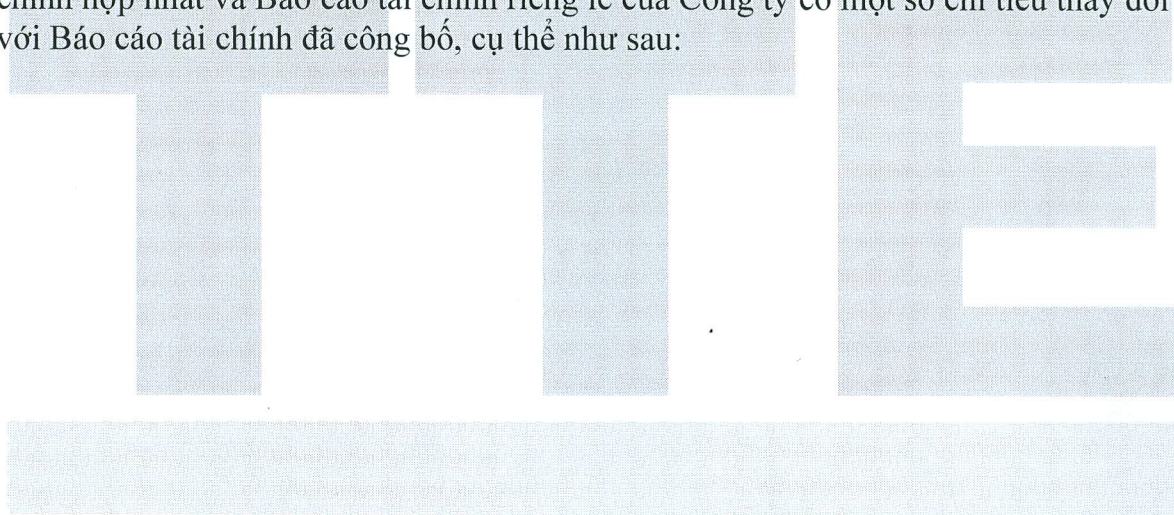
Kon Tum, ngày 02 tháng 08 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán nhà nước

Thực hiện quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin theo quy định, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh xin báo cáo về việc chênh lệch các chỉ tiêu trên kết quả kinh doanh Quý II năm tài chính 2018 trên BCTC riêng và BCTC hợp nhất (kỳ từ ngày 01/04/2018 -30/06/2018) so với cùng kỳ năm 2017 như sau.

A. GIẢI TRÌNH NỘP LẠI SỐ LIỆU BCTC QUÝ II.2018

Công ty cổ phần đầu tư năng lượng trường thịnh đã công bố thông tin Báo cáo tài chính quý II năm 2018. Tuy nhiên, do có sự nhầm lẫn nên số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng lẻ của Công ty có một số chỉ tiêu thay đổi so với Báo cáo tài chính đã công bố, cụ thể như sau:



1. Chênh lệch kết quả kinh doanh theo BCTC hợp nhất

TT	CHỈ TIÊU	SỐ THEO BCTC ĐÃ NỘP		SỐ THỰC TẾ CỦA CÔNG TY		CHÊNH LỆCH	
		QUÝ II.2018	QUÝ II.2017	QUÝ II.2018	QUÝ II.2017	QUÝ II.2018	QUÝ II.2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.614.874.583	25.423.828.656	40.614.874.583	26.681.626.059	-	1.257.797.403
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.614.874.583	25.423.828.656	40.614.874.583	26.681.626.059	-	1.257.797.403
3	Giá vốn hàng bán	15.586.234.240	10.591.902.221	15.159.456.462	10.001.692.499	(426.777.778)	-590.209.722
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.028.640.343	14.831.926.435	25.455.418.121	16.679.933.560	(426.777.778)	1.848.007.125
5	Doanh thu hoạt động tài chính	25.271.448	9.287.074	25.271.448	20.994.083	-	11.707.009
6	Chi phí tài chính	13.460.864.578	8.636.687.705	13.460.864.278	8.817.577.339	300	180.889.634
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	635.283.896	1.333.132.779	1.089.341.508	1.302.694.037	454.057.612	30.438.742
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.957.763.617	4.871.393.025	10.930.483.783	6.580.656.267	(27.279.534)	1.709.263.242
9	Lợi nhuận khác	(12.934.641)	(38.168.893)	(12.934.641)	(241.430.121)	-	(203.261.228)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.944.828.976	4.833.224.132	10.917.549.142	6.339.226.146	(27.279.834)	1.506.002.014
11	Chi phí thuế TNDN hiện hành	560.596.875	364.748.374	560.596.875	303.167.534	-	61.580.840

12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.384.232.101	4.468.475.758	10.356.952.267	6.036.058.612	(27.279.834)	1.567.582.584
12.a	Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	10.245.790.412	4.457.725.892	10.218.510.578	6.033.875.228	(27.279.834)	1.576.149.336
12.b	Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	138.441.689	10.749.866	138.441.689	2.183.384	-	8.566.482
13	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	360	156	359	212	1	56

1.1 Các thay đổi trên kết quả kinh doanh hợp nhất quý II năm 2018.

+ Trong kỳ kế toán hạch toán nhằm phần chi phí tiền lương 426.777.778 đồng của cán bộ kỹ thuật phụ trách nhà máy Tà Vi và nhà máy Đakne vào chi phí nhân công của nhà máy nên công ty điều chỉnh lại thành chi phí quản lý cho phù hợp.

+ Ngoài ra, Chi phí quản lý còn tăng thêm 27.279.834 đồng là do thiếu tiền phân bổ chi phí lợi thế thương mại phát sinh trong kỳ.

1.2 Các thay đổi trên kết quả kinh doanh hợp nhất Quý II.2017.

+ Các chỉ tiêu Doanh thu, chi phí trên BCTC Quý II.2017 thay đổi so với số liệu đã công bố do một số khoản Doanh thu và chi phí của Công ty con kế toán chưa ghi nhận đúng kỳ kế toán. Tuy nhiên, việc thay đổi này chỉ ảnh hưởng giữa kết quả kinh doanh Quý I và Quý II năm 2018 của Công ty con chứ lũy kế 6 tháng đầu năm 2017 thì không có sự thay đổi.

2. Chênh lệch kết quả kinh doanh theo BCTC Công ty mẹ.

TT	CHỈ TIÊU	SỐ THEO BCTC ĐÃ NỘP		SỐ THỰC TẾ CỦA CÔNG TY		CHÊNH LỆCH	
		QUÝ II.2018	QUÝ II.2017	QUÝ II.2018	QUÝ II.2017	QUÝ II.2018	QUÝ II.2017
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.777.020.915	18.989.866.592	21.777.020.915	23.220.679.573	-	4.230.812.981
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.777.020.915	18.989.866.592	21.777.020.915	23.220.679.573	-	4.230.812.981

3	Giá vốn hàng bán	9.974.867.038	4.451.066.592	9.548.089.260	8.681.879.573	(426.777.778)	4.230.812.981
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ-	11.802.153.877	14.538.800.000	12.228.931.655	14.538.800.000	426.777.778	-
5	Doanh thu hoạt động tài chính	24.491.170	18.447.659	24.491.170	18.447.659	-	-
6	Chi phí tài chính	7.781.849.833	7.855.649.302	7.781.849.833	7.855.649.302	-	-
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	319.078.863	557.342.535	745.856.641	557.342.535	426.777.778	-
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.725.716.351	6.144.255.822	3.725.716.351	6.144.255.822	-	-
9	Lợi nhuận khác	(931.092)	(97.876.329)	(931.092)	(97.876.329)	-	-
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.724.785.259	6.046.379.493	3.724.785.259	6.046.379.493	-	-
11	Chi phí thuế TNDN hiện hành	289.917.440	119.490.090	289.917.440	119.490.090	-	-
12	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.434.867.819	5.926.889.403	3.434.867.819	5.926.889.403	-	-

1.1 Các thay đổi trên kết quả kinh doanh hợp nhất quý II năm 2018.

+ Trong kỳ kế toán hạch toán nhầm phần chi phí tiền lương 426.777.778 đồng của cán bộ kỹ thuật phụ trách nhà máy Tà Vi và nhà máy Đăkne vào chi phí nhân công của nhà máy nên công ty điều chỉnh lại thành chi phí quản lý cho phù hợp.

1.2 Các thay đổi trên kết quả kinh doanh hợp nhất Quý II.2017.

+ Các chi tiêu Doanh thu, chi phí trên BCTC Quý II.2017 thay đổi so với số liệu đã công bố do kế toán đưa thiếu tiền Thuế tài nguyên và thuế dịch vụ môi trường rừng phát sinh trong kỳ: 4.230.812.981 đồng.

B. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Chênh lệch kết quả kinh doanh theo BCTC hợp nhất

STT	Chỉ tiêu	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT		
		Quý II.2018	Quý II.2017	+/-%
1	Doanh thu bán điện	40.614.874.583	26.681.626.059	52%
1.1	Công ty TNHH Trung Việt	18.837.853.668	3.460.946.486	444%
	+ Nhà máy Đăkpa	3.580.906.609	3.460.946.486	3%
	+ Nhà máy Đăkbla1	15.256.947.059	0	
1.2	Công ty CP Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh	21.777.020.915	23.220.679.573	-6%
	+ Nhà máy Đăkne	19.767.434.006	18.872.555.998	5%
	+ Nhà máy Tà Vi	2.009.586.909	4.348.123.575	-54%
2	Giá vốn bán điện	15.159.456.462	10.001.692.499	52%
2.1	Công ty TNHH Trung Việt	5.611.367.202	1.319.812.926	425%
	+ Nhà máy Đăkpa	1.403.067.643	1.319.812.926	6%
	+ Nhà máy Đăkbla1	4.208.299.559	0	
2.2	Công ty CP Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh	9.548.089.260	8.681.879.573	10%
	+ Nhà máy Đăkne	7.964.683.343	7.145.633.841	11%
	+ Nhà máy Tà Vi	1.583.405.917	1.536.245.732	3%
3	Chi phí tài chính	13.460.864.278	8.817.577.339	53%
3.1	Công ty TNHH Trung Việt	5.679.014.445	961.928.037	490%
	+ Nhà máy Đăkpa	894.162.640	961.928.037	-7%
	+ Nhà máy Đăkbla1	4.784.851.805		

17
NG
PH
JAN
NG
M

3.2	Công ty CP Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh	7.781.849.833	7.855.649.302	-1%
	+ Nhà máy Đăkne	5.993.064.000	5.996.317.079	0%
	+ Nhà máy Tà Vi	1.788.785.833	1.859.332.223	-4%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.089.341.508	1.302.694.037	-16%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	10.930.483.783	6.580.656.267	66%
6	Lợi nhuận khác	(12.934.641)	(241.430.121)	-95%
7	Lợi nhuận trước thuế	10.917.549.142	6.339.226.146	72%
8	Lợi nhuận sau thuế	10.356.952.267	6.036.058.613	72%

Trong kỳ, Công ty TNHH Trung Việt đưa nhà máy Đăkbla 1 đi vào vận hành phát điện thương mại từ ngày 26.04.2018 nên Doanh thu trong kỳ biến động tăng lên 14 tỷ đồng tương ứng 52% là do Doanh thu từ nhà máy Đăkbla 1 đem lại. Ngoài ra, trong kỳ doanh thu nhà máy Tà Vi cũng bị giảm sút rõ rệt do Nhà máy phải dừng máy để sửa chữa nhỏ lẻ kéo dài nhiều ngày.

Giá vốn, chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế tăng lên trong kỳ là do hạch toán thêm các chi phí phát sinh của Nhà máy Đăkbla 1 do đã đi vào vận hành. Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng với việc đưa nhà máy Đăkbla 1 đi vào vận hành sẽ giúp cho kết quả kinh doanh của Công ty tốt hơn.

2. Chênh lệch kết quả kinh doanh theo BCTC Công ty mẹ.

STT	Chỉ tiêu	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT		
		Quý II.2018	Quý II.2017	+/-%
1	Doanh thu bán điện	21.777.020.915	23.220.679.573	-6%
	+ Nhà máy Đăkne	19.767.434.006	18.872.555.998	5%
	+ Nhà máy Tà Vi	2.009.586.909	4.348.123.575	-54%
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	745.856.641	557.342.535	33%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	3.725.716.351	6.144.255.822	-39%
4	Lợi nhuận khác	(931.092)	(97.876.329)	-99%
5	Lợi nhuận trước thuế	3.724.785.259	6.046.379.493	-38%
6	Lợi nhuận sau thuế	3.434.867.819	5.926.889.403	-42%

Như trình bày ở trên do trong kỳ nhà máy Tà Vi phải dừng máy nhiều ngày để thực hiện công tác sửa chữa kéo dài nên doanh thu trong kỳ giảm hơn 2,3 tỷ đồng tương ứng giảm 54% so với cùng kỳ, làm cho lợi nhuận giảm sút theo tương ứng. Ban lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng việc sửa chữa nhà máy chỉ bị ảnh hưởng nhiều trong quý chứ không ảnh hưởng sang các kỳ khác nên kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2018 cũng sẽ không bị ảnh hưởng nhiều so với kế hoạch đầu năm đã lập.

Trên đây là các giải trình về biến động các chỉ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng lẻ của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh trong Quý II.2018 so với cùng kỳ.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi (B/c)
- HĐQT Công ty (B/c)
- Lưu đơn vị

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Khoa